

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH 2015

(TỪ 01/04/2015 ĐẾN 31/03/2016)

HÀ NỘI, THÁNG 5/2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Năm báo cáo: 2015

(Từ ngày 01/4/2015 đến 31/3/2016)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101275603
- Vốn điều lệ: 27.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 27.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-4) 37534862
- Số fax: (84-4) 38361898
- Website: <http://www.vangthanglong.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VTL

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiền thân là Xí nghiệp nước giải khát Thăng Long ra đời ngày 24 tháng 3 năm 1989 trực thuộc Công ty Rượu bia Hà Nội.
- Ngày 16/8/1993: Đổi tên thành Công ty Rượu nước giải khát Thăng Long.
- Năm 2001, thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Thăng Long theo Quyết định số 54/2001/QĐ-TTg ngày 23/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Công ty Cổ phần Thăng Long với số vốn điều lệ ban đầu 11,6 tỷ đồng.
- Tháng 11/2003: Công ty tăng vốn lên 14.047.100.727 đồng.
- Năm 2005: Công ty tăng vốn lên 18.000.000.000 đồng
- Ngày 14/7/2005: Cổ phiếu Công ty được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 25/5/2009: Đổi tên Công ty cổ phần Thăng Long thành Công ty cổ phần Vang Thăng Long (Giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 8 số 0103001012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/5/2009).
- Ngày 22/10/2009: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long, vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104008334), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Ngày 19/6/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 27.000.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2013: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư địa ốc Thăng Long, vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106328714), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất rượu vang.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng).

- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa).
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô).
- Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản thức ăn đông lạnh; Sản xuất các mặt hàng công nghệ phẩm).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh; Kinh doanh xuất nhập khẩu thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm; Buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm; Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống; Kinh doanh thực phẩm chế biến).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy hải sản).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, thủy hải sản; Sản xuất các mặt hàng tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Ký gửi hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở; Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền SX nước giải khát có gas).
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn).
- Bán buôn gạo (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực; Kinh doanh lương thực).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ; Buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nhựa, hàng tiêu dùng; Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất; Buôn bán các mặt hàng nhựa).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc; Buôn bán hàng may mặc đồ da và giả da).
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế).
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke))
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Buôn bán vật liệu và thiết bị xây dựng).
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc đồ da và giả da).
- In ấn (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm in các loại).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Buôn bán sản phẩm in các loại).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không có cồn).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì).
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh).
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

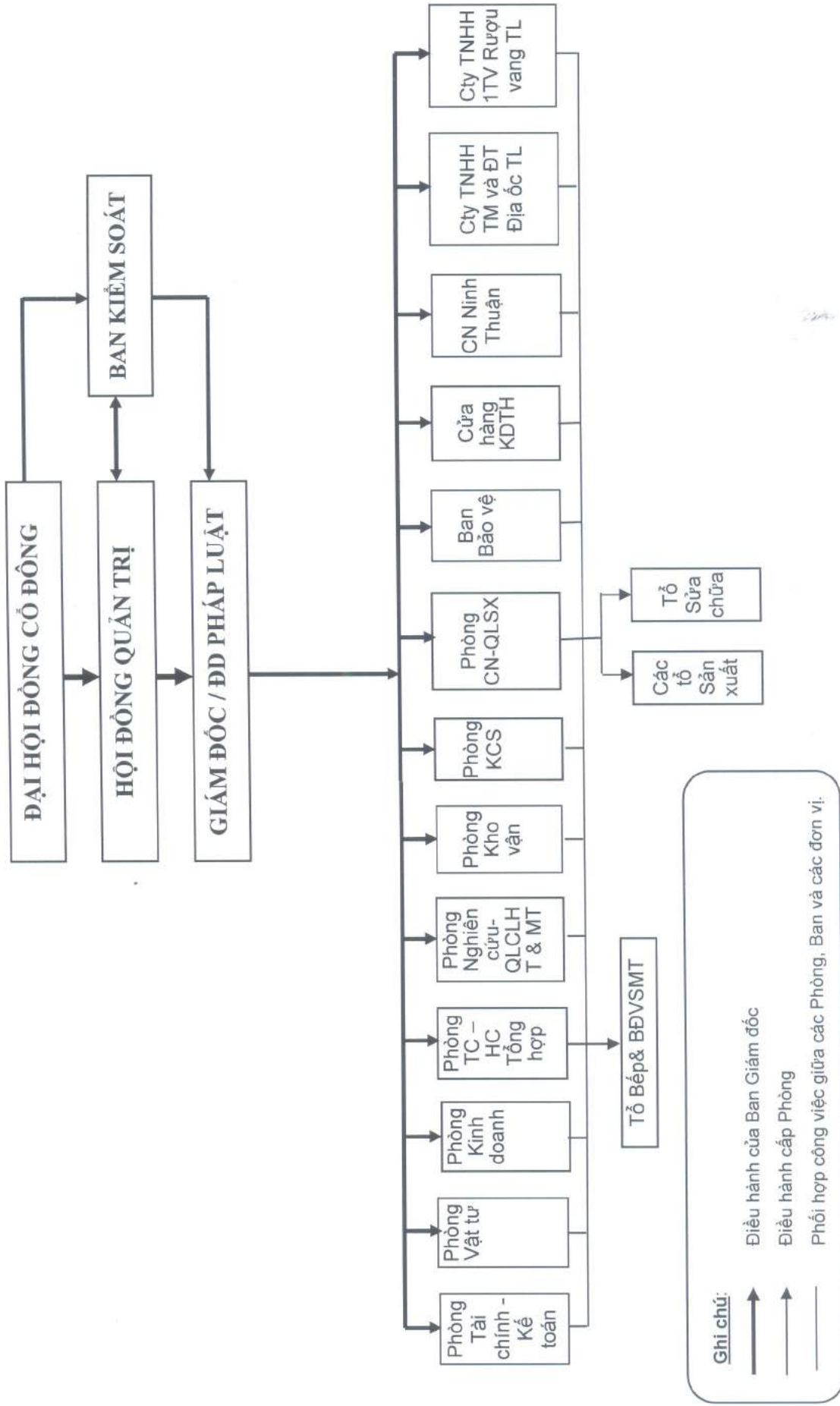
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và các Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG NĂM TÀI CHÍNH 2015



4.2. Hệ thống chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Ninh Thuận
Địa chỉ: Số 62A Lê Duẩn, TP Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

4.3. Công ty con:

4.3.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long

- Địa chỉ: Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

4.3.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long

- Địa chỉ: Số 343 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ thực góp: 6.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long thành Công ty vững mạnh, chuyên nghiệp, phấn đấu trở thành một Công ty cung cấp rượu vang hàng đầu Việt Nam.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO. Hiện nay, Công ty đang sử dụng ISO 22000 và ISO 14001.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm Vang Thăng Long, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường theo thói quen tiêu dùng quốc tế hướng tới xuất khẩu sang thị trường khu vực và các nước Châu Á.
- Củng cố, phát triển vùng nguyên liệu sạch, chất lượng cao tại các tỉnh phía Nam đồng thời xây dựng và mở rộng tại các tỉnh phía Bắc để chủ động nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- Củng cố, hoàn thiện kênh phân phối, có chính sách hợp lý và linh hoạt đối với các đối tượng khách hàng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Xây dựng chi phí hợp lý, thực hành tiết kiệm, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành sản xuất - kinh doanh.
- Đây mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu phát triển thị trường.

*** Mục tiêu trước mắt:**

- Giữ vững sự ổn định phát triển sản xuất kinh doanh, phát huy tính tự chủ, độc lập, sáng tạo đoàn kết nhằm tăng cường sức mạnh nội lực.
- Đây mạnh phát triển thị trường đối với sản phẩm Vang Thăng Long trên toàn quốc theo hướng: Giữ vững thị trường phía Bắc, củng cố thị trường miền Trung và mở rộng thị trường miền Nam.
- Thúc đẩy tiến độ các dự án xây dựng để sớm đưa vào khai thác, sử dụng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh để thương hiệu Vang Thăng Long ngày càng được khẳng định trên thị trường, giành được sự quan tâm và tin tưởng của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

5.2. Chiến lược phát triển:

- Mở rộng hệ thống tiêu thụ trong nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Phát triển hệ thống đại lý quốc tế.
- Duy trì và không ngừng phát triển thương hiệu Vang Thăng Long có uy tín cao tại thị trường Việt Nam, trong khu vực và Châu Á.
- Đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất Vang Thăng Long.
- Mở rộng đầu tư xây dựng, kinh doanh văn phòng, nhà ở.

6. Các rủi ro:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vang Thăng Long là sản xuất các loại rượu Vang - các sản phẩm được lên men từ các loại trái cây nhiệt đới sẵn có của Việt Nam như: Dâu, mơ, sơn tra, dứa, nho...

Vì vậy, điều kiện về thời tiết là một trong những yếu tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng và giá thành của sản phẩm.

Ngoài ra, các rủi ro về giá cả, tín dụng và thị trường cũng có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2015 (Từ ngày 01/4/2015 đến 31/3/2016):

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Một số chỉ tiêu chủ yếu: (Số liệu đã được kiểm toán và chưa được quyết toán thuế)

TT	Chi tiêu	KH năm tài chính 2015	TH năm tài chính 2015	Tỷ lệ đạt
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	95	84	100%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	3,5	3,6	102,9%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	2,7	2,8	103,7%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Tối thiểu 8%	8%	100

* **Đánh giá:** Qua số liệu trên cho thấy:

- Chỉ tiêu tổng doanh thu thấp hơn so với kế hoạch nhưng thực tế vẫn hoàn thành 100% kế hoạch là do: Doanh thu kế hoạch được xác định bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt. Tuy nhiên khi thực hiện, theo Thông tư 200/2014/BTC thì Thuế tiêu thụ đặc biệt không được bao gồm trong tổng doanh thu (số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong năm 2015 là 11,1 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế TNDN vượt kế hoạch là do: Trong năm Công ty đã tiết giảm được chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, lãi vay.

Mặc dù có những khó khăn do chủ quan và khách quan như đã nêu trên, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và cùng toàn thể CBNV Công ty bằng các giải pháp thị trường, tái cơ cấu tổ chức - hoạt động, tài chính, khai thác tối đa hệ thống mạng lưới.. nên đã đảm bảo cổ tức đạt 100% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc	0		Chuyển công tác từ 10/9/2015
2	Phạm Ngọc Quý	Phó giám đốc	0		Chuyển công tác từ 01/6/2015
3	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,02%	

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

*** Tóm tắt lý lịch Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2016:****2.1.1.**

Họ và tên: **Trần Thị Hoàng Liên** Giới tính: Nữ
 Họ và tên thường gọi: Trần Thị Hoàng Liên
 Sinh ngày: 15 tháng 08 năm 1974
 Quê quán: Quảng Minh, Quảng Trạch, Quảng Bình
 Nơi thường trú: Số 27 ngách 235/15 Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Dân tộc: Kinh
 Tôn giáo: Không
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Trình độ chính trị: Trung cấp
 Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long
 Chức vụ: Kế toán trưởng

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T9/1992 - 1996: Học Trường Đại học kinh tế quốc dân - Chuyên ngành Kinh tế quốc tế
- T12/1996 - T4/2001: Nhân viên Phòng Hành chính Công ty Rượu - NGK Thăng Long
- T4/2001 - T5/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T5/2006: Quyền trưởng Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T6/2007: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- T5/2006 - 30/1/2008: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- 31/1/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

*** Những thay đổi trong Ban điều hành:**

- Ông Phạm Văn Vinh từ nhiệm chức danh Phó giám đốc từ ngày 10/09/2015.
- Ông Phạm Ngọc Quý thôi giữ chức vụ Phó giám đốc từ ngày 01/06/2015.

2.2. Số lượng CNCNV:

STT	Đơn vị	31/3/2015	31/3/2016	Ghi chú
1	Khối Vang	127	111	
3	Cửa hàng KDTH	6	6	
6	Chi nhánh Ninh Thuận	2	1	
	Tổng cộng	135	118	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**3.1. Tình hình thực hiện các dự án:**

Trong năm tài chính 2015, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiếp tục hợp tác với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á thực hiện dự án tại 343 Lạc Long Quân - Cầu Giấy - Hà Nội.

3.2. Công ty con:

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con đạt được như sau:

3.2.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long:

Nội dung	TH 2014	TH 2015	So sánh TH 2015/2014
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	58,5	60,5	103,4%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	56,9	59,9	105,3%

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	0,3	1,4	466,7%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	0,2	1,1	550,0%

3.2.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long:

Nội dung	TH 2014	TH 2015	So sánh TH 2015/2014
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	0	0	
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0	0	

4. Tình hình tài chính:**a) Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Đồng VN

Chi tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	105.696.663.530	121.562.191.970	115,0%
Doanh thu thuần	76.139.440.566	83.385.396.911	109,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	706.447.485	2.803.689.782	396,9%
Lợi nhuận khác	1.760.784.793	839.842.672	47,7%
Lợi nhuận trước thuế	2.467.232.278	3.643.532.454	147,7%
Lợi nhuận sau thuế	1.903.321.177	2.805.355.869	147,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6%	8%	133,3%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,15	1,03	89,6%
+ Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,42	0,46	109,5%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,71	0,74	104,2%
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	2,45	2,88	117,6%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,13	1,32	116,8%
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,72	0,69	95,8%
4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,02	0,03	150%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,06	0,09	150%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,018	0,02	111,1%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,009	0,03	333,3%

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần: 2.700.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành và cổ phiếu quỹ:

Loại cổ phiếu	Số cổ phiếu
1. Cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000
2. Cổ phiếu quỹ	0
Tổng cộng	2.700.000

5.2. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 13/5/2016:

- Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn	1.850.705	68,5%	4
Cổ đông nhỏ	849.295	31,5%	286
Tổng cộng	2.700.000	100%	290

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông tổ chức	1.224.145	45,3%	9
Cổ đông cá nhân	1.475.855	54,7%	281
Tổng cộng	2.700.000	100%	290

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước	2.660.200	98,5%	269
Cổ đông nước ngoài	39.800	1,5%	21
Tổng cộng	2.700.000	100%	290

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông nhà nước	1.079.955	40%	1
Cổ đông khác	1.620.045	60%	289
Tổng cộng	2.700.000	100%	290

(Cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Kinh tế trong nước năm 2015 có khởi sắc hơn năm 2013, 2014 tuy nhiên vẫn còn tiếp tục có những khó khăn nhất định, kéo theo nhu cầu tiêu dùng cũng bị giảm, đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Việc gia nhập ngày càng sâu, rộng với kinh tế thế giới mở ra nhiều cơ hội, thách thức đối với Công ty: Công ty tiếp cận được các kênh, phương thức bán hàng mới, cơ hội phát triển ra thị trường nước ngoài... Tuy nhiên, thách thức lớn là: Công nghệ, chất lượng mẫu mã sản phẩm của Công ty chưa thể cạnh tranh được với rượu ngoại trong thời gian ngắn; Rượu ngoại chất lượng tốt, giá rẻ tràn ngập thị trường làm cho thị phần của Công ty bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng toàn thể CBNV Công ty đã cơ bản vượt qua khó khăn, đạt được những chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	KH NĂM TÀI CHÍNH 2015	TH NĂM TÀI CHÍNH 2015	TỶ LỆ ĐẠT (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đ)	95	84 ^(*)	100
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đ)	3.5	3.643	104.1
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đ)	2.73	2.805	102.7
4	Thu nhập BQ NLĐ/tháng (tr đ)	4,4	5,3	120,4
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	8	8	100

(*) Doanh thu kế hoạch được xác định bao gồm thuế TTĐB. Tuy nhiên khi thực hiện, theo Thông Tư 200/2014/BTC thì Thuế TTĐB không được bao gồm trong tổng doanh thu (số thuế TTĐB phải nộp trong năm 2015 là 11.148.105.013 đồng).

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 4.1% là một sự cố gắng lớn vì:

+ Thuế đất năm 2015 tăng hơn gần 2,0 tỷ đồng so với năm 2014 do năm 2014 đang được hưởng giảm thuế;

+ Trong năm Công ty đã tiết giảm được chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công; lãi vay.

Mặc dù có những khó khăn do chủ quan và khách quan như đã nêu trên, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và cùng toàn thể CBNV Công ty bằng các giải pháp Thị trường, Tái cơ cấu tổ chức - hoạt động, Tài chính, khai thác tối đa hệ thống mạng lưới nên đã đảm bảo cổ tức đạt 100% so với kế hoạch.

2. Lợi nhuận và phân chia lợi nhuận năm tài chính 2015:**2.1. Kết quả SX-KD năm tài chính 2015:**

- Tổng doanh thu hoạt động SXKD: 84.002.250.409 đồng

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 3.643.532.454 đồng

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 2.805.355.869 đồng

2.2. Phân chia lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2015:

- Thực hiện chia cổ tức 8%: 2.160.000.000 đồng

- Số còn lại của lợi nhuận sau thuế, chờ quyết toán thuế xong xin bổ sung quỹ khen thưởng - phúc lợi: 645.355.869 đồng

3. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư:

Dự án	KQ thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo
Dự án 343 Lạc Long Quân	Việc chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất tại 343 Lạc Long Quân - Cầu Giấy – Hà Nội cho Công ty TNHH sản xuất và Thương Mại Tân Á đang gặp một số trở ngại do quyết định của Thành Phố về việc thu hồi đất do dự án chậm thực hiện. Tuy nhiên, đến nay Công ty đã hoàn thành các thủ tục gửi Thành Phố để được chấp thuận gia hạn thực hiện dự án thêm 01 năm nữa.

Dự án 181 Lạc Long Quân	Chưa triển khai được do vướng mắc về các thủ tục về đất đai.
----------------------------	--

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2015:

1. Tình hình chung của Công ty:

1.1. Những khó khăn, thuận lợi:

** Khó khăn:*

Trong năm tài chính 2015, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chịu ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế và còn có những khó khăn riêng như: Mô hình doanh nghiệp vẫn còn cồng kềnh, năng suất lao động chưa cao, nguồn nhân lực của Công ty còn yếu chưa đáp ứng được những khó khăn, thách thức của kinh tế thị trường.

Bên cạnh đó, thuế đất tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt tăng, lương tối thiểu tăng, bảo hiểm tăng là những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty.

** Thuận lợi:*

- Thương hiệu “Vang Thăng Long” là một thương hiệu còn nhiều lợi thế..
- Công ty có HĐQT tâm huyết, Ban điều hành hành động quyết liệt và toàn thể CBCNV đoàn kết, nỗ lực trong công việc.
- Đặc biệt, Công ty đã được sự ủng hộ toàn diện của Tổng công ty Thương mại Hà Nội cả về đường lối, chiến lược đến hỗ trợ tài chính.

1.2. Những kết quả đạt được trong năm tài chính 2015:

1.2.1. Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

Phát huy kết quả công tác tái cấu trúc của năm 2014, Ban điều hành Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiếp tục thực hiện các bước tái cấu trúc trong năm 2015 bao gồm: Tái cấu trúc hoạt động và tái cấu trúc nguồn lực. Kết quả đạt được như sau:

** Tái cấu trúc hoạt động:*

Công ty tiếp tục đầu tư các máy móc, thiết bị hiện đại, tự động vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và vệ sinh an toàn thực phẩm như: Máy chiết rót, máy xiết nút tự động vào sản xuất.

** Tái cấu trúc nguồn lực:*

- Tái cấu trúc nguồn nhân lực: Trong năm tài chính 2015, tổng số lao động của Công ty đã giảm từ 134 lao động xuống còn 118 lao động (tỷ lệ giảm 12% so với cuối năm 2014) nhưng vẫn đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt.

- Tái cấu trúc nguồn lực đất đai: Công ty đã tổ chức khai thác triệt để tất cả các mặt bằng Công ty quản lý và đã tạo được nguồn thu đáng kể cho Công ty.

1.2.2. Kết quả sản xuất kinh doanh đã được kiểm toán:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 84 tỷ đồng, đạt 88,4% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 giao.

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện trong năm tài chính 2015 được tính theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt, còn kế hoạch của Đại hội đồng thường niên 2015 giao đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 3,6 tỷ đồng, đạt 102,9 % so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 giao.

+ Cổ tức đạt 8% (Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015: Tối thiểu 8%)

3. Đánh giá:

Năm tài chính 2015 đã qua, bản thân nội tại của Công ty còn rất nhiều bất cập. Nhưng nhờ sự đoàn kết, nhất trí của HĐQT, sự nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã có những bước tiến vững chắc làm nền tảng cho hoạt động sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo.

Trong tình hình hiện tại, chúng tôi ý thức được rằng: Vang Thăng Long muốn tăng trưởng bền vững phải dựa trên một nền sản xuất tự động hóa với năng suất cao và mạng lưới phân phối có tính chuyên nghiệp, rộng khắp. Đây cũng là điều tâm huyết chúng tôi đang thực hiện.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- | | |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Phạm Xuân Hà | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Hoàng Minh Thọ | - Ủy viên |
| 3. Ông Trần Vũ Tuấn | - Ủy viên |
| 4. Ông Phạm Ngọc Quý | - Ủy viên |
| 5. Bà Phan Thị Bích Ngọc | - Ủy viên |

1.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2015:

Trong năm tài chính 2015, HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long luôn coi trọng công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật.

Trong năm tài chính 2015, HĐQT Công ty đã tiến hành triệu tập họp 10 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng.

Qua các cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng, HĐQT Công ty đã ban hành 02 Nghị quyết và 06 Quyết định chỉ đạo đối với các hoạt động của Công ty một cách kịp thời, cùng Ban điều hành thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm các thành viên:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Bà Trần Thu Hà | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan | - Ủy viên |
| 3. Bà Nguyễn Bích Thu | - Ủy viên |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Trong năm tài chính 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Ban kiểm soát Công ty luôn theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban kiểm soát đã tổ chức các buổi làm việc tại Công ty để kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn và kiểm tra số liệu của báo cáo tài chính năm. Chuẩn bị đầy đủ số liệu để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm tài chính 2015 (từ 01/4/2015 đến 31/5/2016) của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2016:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	195.500.000	
2	Hoàng Minh Thọ	Ủy viên HĐQT	41.500.000	
3	Trần Vũ Tuấn	Ủy viên HĐQT	41.500.000	
4	Phạm Ngọc Quý	Ủy viên HĐQT	61.500.000	
5	Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	41.500.000	
6	Trần Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	40.500.000	
7	Phạm Thị Ngọc Lan	Ủy viên BKS	87.101.504	
8	Nguyễn Bích Thu	Ủy viên BKS	130.586.718	
9	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	140.838.938	

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên rút khỏi danh sách Ban điều hành trong năm tài chính 2015:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
9	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc	57.926.231	

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/3/2016 của Công ty cổ phần Vang Thăng Long:

* *Đơn vị thực hiện kiểm toán:* Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội

* *Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán số: 221/2016/BCKT-AASCN ngày 10/5/2016 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:*

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính năm tài chính 2015 được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2015 (từ 01/4/2015 đến 31/3/2016) của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.766.046.848	80.774.987.007
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.304.474.907	7.682.501.337
1.	Tiền	111	V.01	5.304.474.907	3.932.501.337
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	3.750.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.127.027.187	21.622.312.672
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	26.780.578.092	17.486.913.444
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.919.258.761	1.618.308.899
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.427.190.334	2.517.090.329
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	50.057.467.326	51.224.238.412
1.	Hàng tồn kho	141		50.057.467.326	51.224.238.412
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		277.077.428	245.934.586
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	96.260.021	145.209.569
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.908.521	82.721.822
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	178.908.886	18.003.195
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.796.145.122	24.921.676.523
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		3.794.380.000	291.880.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		44.380.000	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	3.750.000.000	291.880.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		13.952.341.946	9.829.275.774
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	13.917.827.691	9.784.876.291
	- Nguyên giá	222		49.460.083.285	45.420.970.195
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.542.255.594)	(35.636.093.904)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	34.514.255	44.399.483
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(60.485.745)	(50.600.517)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	7.144.297.448	7.474.754.480
1.	Nguyên giá	231		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.117.128.355)	(786.671.323)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	2.224.469.373	2.986.741.866
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.224.469.373	2.986.741.866
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.200.000.000	1.200.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.480.656.355	3.139.024.403
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.480.656.355	3.139.024.403
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.562.191.970	105.696.663.530

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		90.259.918.988	75.065.265.241
I.	Nợ ngắn hạn	310		87.237.424.844	70.484.882.519
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.574.881.496	402.240.138
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.999.166.810	13.575.976.957
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.605.455.787	6.043.243.812
4.	Phải trả người lao động	314		601.250.995	673.967.123
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	500.400.000	181.414.382
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	708.841.020	2.565.964.582
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	62.245.857.983	47.024.054.772
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	18.020.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		3.022.494.144	4.580.382.722
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	509.488.387	509.488.387
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	-	17.782.142
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	2.513.005.757	4.053.112.193
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.302.272.982	30.631.398.289
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	31.302.272.982	30.600.238.289
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.826.517.521	2.124.482.828
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.161.652	221.161.651
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.805.355.869	1.903.321.177
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	-	31.160.000
1.	Nguồn kinh phí	431		-	31.160.000
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.562.191.970	105.696.663.530

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	84.002.250.409	77.812.575.975
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	616.853.498	1.673.135.409
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.385.396.911	76.139.440.566
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	66.074.190.680	57.829.816.223
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.311.206.231	18.309.624.343
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	95.008.267	207.101.990
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.790.047.095	6.360.449.886
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.789.138.015</i>	<i>6.360.449.886</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.850.877.496	4.484.193.907
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.961.600.125	6.965.635.055
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.803.689.782	706.447.485
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.006.203.788	1.824.256.793
12.	Chi phí khác	32	VI.07	166.361.116	63.472.000
13.	Lợi nhuận khác	40		839.842.672	1.760.784.793
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.643.532.454	2.467.232.278
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	838.176.585	563.911.101
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.805.355.869	1.903.321.177
18.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.805.355.869	1.903.321.177
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.039	526
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.039	526

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		196.906.413.918	100.781.868.148
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(167.935.760.732)	(52.850.796.981)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.032.119.708)	(8.654.456.791)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(5.876.400.605)	(6.180.342.546)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.010.249.116)	(303.296.791)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53.233.940	1.387.634.069
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.341.783.481)	(19.232.175.432)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.236.665.784)	14.948.433.676
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.367.156.597)	(5.993.421.980)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.069.090.909	2.099.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.008.267	204.337.189
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.203.057.421)	(3.690.084.791)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		81.743.398.466	65.502.092.638
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(68.061.701.691)	(75.730.563.763)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.620.000.000)	(1.215.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.061.696.775	(11.443.471.125)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.378.026.430)	(185.122.240)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.682.501.337	7.867.623.577
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		5.304.474.907	7.682.501.337

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số các công ty con: 02 công ty.

Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	25 năm
-----------	--------

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.287.945.683	1.736.136.282
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.016.529.224	2.196.365.055
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>5.304.474.907</u>	<u>3.932.501.337</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro ^(a)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long ^(b)	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Cộng	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000

^(a): Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rượu Hapro.^(b): Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 20.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,76% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	26.780.578.092	17.486.913.444
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	3.395.753.496	3.148.100.726
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông sản và Du lịch Thanh Hoá	2.205.834.683	797.818.128
- Bà Vương Thị Thanh Hà	2.624.999.850	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	18.553.990.063	13.540.994.590
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	26.780.578.092	17.486.913.444

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.427.190.334	-	2.517.090.329	-
- Tạm ứng	1.590.428.217	-	848.319.890	-
- Phải thu khác	1.836.762.117	-	1.668.770.439	-
b. Dài hạn	3.750.000.000	-	291.880.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.750.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	291.880.000	-
Cộng	7.177.190.334	-	2.808.970.329	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.942.074.624	-	5.029.126.218	-
- Công cụ, dụng cụ	585.435.287	-	631.320.821	-
- Chi phí sản xuất kính doanh dở dang	33.875.568.411	-	33.802.196.943	-
- Thành phẩm	6.294.781.798	-	7.289.168.421	-
- Hàng hoá	1.197.956.682	-	1.045.552.728	-
- Hàng gửi bán	3.161.650.524	-	3.426.873.281	-
Cộng	50.057.467.326	-	51.224.238.412	-

06. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	2.224.469.373	2.986.741.866
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	321.118.318	182.071.721
+ Công trình 323 Vĩnh Hưng	-	901.319.090
Cộng	2.224.469.373	2.986.741.866

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.454.595.277	28.459.895.758	2.510.517.690	349.239.818	1.646.721.652	45.420.970.195
- Mua trong năm	-	4.533.158.000	394.952.000	-	300.000.000	5.228.110.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	901.319.090	-	-	-	-	901.319.090
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.090.316.000)	-	-	-	(2.090.316.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.355.914.367	30.902.737.758	2.905.469.690	349.239.818	1.946.721.652	49.460.083.285
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.295.001.125	23.615.055.288	1.316.569.189	340.883.820	1.068.584.482	35.636.093.904
- Khấu hao trong năm	356.797.358	1.229.516.681	214.961.300	9.248.124	117.067.106	1.927.590.569
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	27.524.956	-	(581.094)	(26.943.862)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.021.428.879)	-	-	-	(2.021.428.879)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.679.323.439	22.823.143.090	1.530.949.395	323.188.082	1.185.651.588	35.542.255.594
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	3.159.594.152	4.844.840.470	1.193.948.501	8.355.998	578.137.170	9.784.876.291
2. Tại ngày cuối năm	3.676.590.928	8.079.594.668	1.374.520.295	26.051.736	761.070.064	13.917.827.691

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 20.597.452.172 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 18.457.192.700 đồng và 2.876.414.709 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>105.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>40.258.513</i>	<i>10.342.004</i>	<i>50.600.517</i>
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>45.768.745</i>	<i>84.717.000</i>	<i>60.485.745</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>19.741.487</i>	<i>24.657.996</i>	<i>44.399.483</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>14.231.255</i>	<i>20.283.000</i>	<i>34.514.255</i>

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư				
	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
	786.671.323	330.457.032	-	1.117.128.355
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	786.671.323	330.457.032	-	1.117.128.355
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
	7.474.754.480	-	330.457.032	7.144.297.448
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.474.754.480	-	330.457.032	7.144.297.448
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	96.260.021	145.209.569
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	23.564.568
- Phí bảo hiểm	71.623.621	100.020.001
- Các khoản khác	24.636.400	21.625.000
b. Dài hạn	3.480.656.355	3.139.024.403
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	267.767.962	516.829.205
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.559.141.518	2.622.195.198
- Chi phí sửa chữa	401.746.875	-
- Chi phí khác	252.000.000	-
Cộng	3.576.916.376	3.284.233.972

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuế tài chính	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	47.024.054.772	47.024.054.772	80.759.218.302	65.537.415.091	62.245.857.983	62.245.857.983
- <i>Vay ngân hàng</i>	29.239.711.319	29.239.711.319	55.429.851.212	44.117.778.155	40.551.784.376	40.551.784.376
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ (a)	9.366.190.136	9.366.190.136	9.345.737.927	10.566.190.136	8.145.737.927	8.145.737.927
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (b)	5.599.625.183	5.599.625.183	23.788.621.879	15.199.886.019	14.188.361.043	14.188.361.043
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (c)	14.273.896.000	14.273.896.000	22.295.491.406	18.351.702.000	18.217.685.406	18.217.685.406
- <i>Vay đối tượng khác</i>	17.784.343.453	17.784.343.453	24.353.547.254	21.419.636.936	20.718.253.771	20.718.253.771
+ Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-
+ Các cá nhân (d)	14.784.343.453	14.784.343.453	24.353.547.254	18.419.636.936	20.718.253.771	20.718.253.771
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	975.819.836	-	975.819.836	975.819.836
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (e)	-	-	583.819.836	-	583.819.836	583.819.836
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn (f)	-	-	392.000.000	-	392.000.000	392.000.000
b. Vay dài hạn	4.053.112.193	4.053.112.193	1.960.000.000	3.500.106.436	2.513.005.757	2.513.005.757
Từ 1 năm đến 5 năm	4.053.112.193	4.053.112.193	1.960.000.000	3.500.106.436	2.513.005.757	2.513.005.757
- <i>Vay ngân hàng</i>	4.053.112.193	4.053.112.193	1.960.000.000	3.500.106.436	2.513.005.757	2.513.005.757
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở GD 1	1.842.466.064	1.842.466.064	-	1.842.466.064	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (e)	2.210.646.129	2.210.646.129	-	1.167.640.372	1.043.005.757	1.043.005.757
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn (f)	-	-	1.960.000.000	490.000.000	1.470.000.000	1.470.000.000
Cộng	51.077.166.965	51.077.166.965	82.719.218.302	69.037.521.527	64.758.863.740	64.758.863.740

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 03 xe ô tô 03 xe nâng hàng, 108 tank inox, hợp đồng tiền gửi, 58 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm..
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm.
- (e) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm.
- (f) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng máy chiết rót rượu vào chai, lãi suất số định 8,27%/năm.

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	2.574.881.496	2.574.881.496	402.240.138	402.240.138
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải phòng	2.266.127.325	2.266.127.325	-	-
- Phải trả đối tượng khác	308.754.171	308.754.171	402.240.138	402.240.138
b. Phải trả người bán dài hạn	509.488.387	-	509.488.387	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng & Công trình Kiến trúc Hà Nội	443.786.433	-	443.786.433	-
- Phải trả đối tượng khác	65.701.954	-	65.701.954	-
Cộng	3.084.369.883	2.574.881.496	911.728.525	402.240.138

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	818.269	2.100.462.863	4.078.722.221	5.940.930.002	-	237.436.813
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.459.529.412	11.148.105.013	7.742.410.945	-	6.865.223.480
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.184.926	455.711.356	838.176.585	1.010.249.116	178.908.886	445.362.785
- Thuế thu nhập cá nhân	-	27.540.181	219.669.835	189.777.307	-	57.432.709
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.118.848.531	3.118.848.531	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	1.500.000	1.500.000	-	-
Cộng	18.003.195	6.043.243.812	19.412.022.185	18.010.715.901	178.908.886	7.605.455.787

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	-	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	500.400.000	-	181.414.382
- Chi phí lãi vay	56.000.000		70.814.382
- Chi phí phải trả khác	444.400.000		110.600.000
b. Dài hạn	-	-	-
Cộng	500.400.000		181.414.382

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	-	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	708.841.020		2.565.964.582
- Kinh phí công đoàn	59.946.983		138.727.454
- Bảo hiểm xã hội	59.720.011		1.573.200
- Bảo hiểm y tế	43.501.492		
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.155.355		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	525.517.179		2.425.663.928
+ Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá	-		2.000.000.000
+ Lãi vay phải trả	36.788.750		109.292.958
+ Các đối tượng khác	488.728.429		316.370.970
b. Dài hạn	-		17.782.142
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-		17.782.142
Cộng	708.841.020		2.583.746.724

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.863.277.098	1.436.161.651	30.299.438.749
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	1.903.321.177	1.903.321.177
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
Giảm khác	-	(387.521.637)	-	(387.521.637)
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	2.805.355.869	2.805.355.869
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.103.321.176)	(2.103.321.176)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.826.517.521	31.302.272.982

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	40	10.800.000.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	16.200.000.000	60	16.200.000.000	60
Cộng	27.000.000.000	100	27.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.620.000.000	1.215.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

17. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	31.160.000	89.060.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	(31.160.000)	(57.900.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	31.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Đơn vị tính: VND*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	36.862.818.342	23.616.717.650
- Doanh thu bán thành phẩm	43.914.803.106	48.628.110.829
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.433.013.799
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.224.628.961	2.134.733.697
Cộng	<u>84.002.250.409</u>	<u>77.812.575.975</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	522.708.825	697.632.167
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	94.144.673	975.503.242
Cộng	<u>616.853.498</u>	<u>1.673.135.409</u>

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.962.310.212	23.014.621.493
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	35.696.316.021	31.583.319.669
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.801.387.112
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	415.564.447	430.487.949
Cộng	<u>66.074.190.680</u>	<u>57.829.816.223</u>

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.008.267	204.337.189
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.764.801
Cộng	<u>95.008.267</u>	<u>207.101.990</u>

05. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	5.789.138.015	6.360.449.886
- Chi phí tài chính khác	909.080	-
Cộng	<u>5.790.047.095</u>	<u>6.360.449.886</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.000.203.788	1.778.363.636
- Thu nhập từ cho thuê nhân lực	-	-
- Các khoản khác	6.000.000	45.893.157
Cộng	<u>1.006.203.788</u>	<u>1.824.256.793</u>

07. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản bị phạt hành chính	166.361.116	-
- Các khoản khác	-	63.472.000
Cộng	<u>166.361.116</u>	<u>63.472.000</u>

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.961.600.125	6.965.635.055
- Chi phí nhân viên quản lý	2.412.664.099	4.412.836.207
- Chi phí vật liệu quản lý	-	490.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	189.566.061	231.935.434
- Chi phí khấu hao TSCĐ	252.580.473	263.005.934
- Thuế, phí và lệ phí	1.515.713.160	949.571.479
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.774.068	245.622.197
- Chi phí dự phòng	-	165.639.036
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	394.302.264	696.534.768
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.850.877.496	4.484.193.907
- Chi phí nhân viên	1.594.888.195	506.509.484
- Chi phí khấu hao TSCĐ	213.048.256	139.744.983
- Chi phí khuyến mại	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.637.289	2.486.071.863
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.055.303.756	1.351.867.577
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	<u>8.812.477.621</u>	<u>11.449.828.962</u>

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	838.176.585	563.911.101
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>838.176.585</u>	<u>563.911.101</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.805.355.869	1.903.321.177
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.805.355.869	1.903.321.177
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	483.321.177
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.039</u>	<u>526</u>

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.805.355.869	1.903.321.177
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.805.355.869	1.903.321.177
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	483.321.177
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.039</u>	<u>526</u>

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.239.699.570	18.816.559.701
- Chi phí nhân công	10.853.075.749	11.452.378.998
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.267.932.829	2.076.628.149
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.314.805.730	4.902.041.867
- Chi phí khác bằng tiền	4.327.829.056	4.600.760.898
Cộng	<u>44.003.342.934</u>	<u>41.848.369.613</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	638.187.455	954.550.591
Cộng	638.187.455	954.550.591

03. Thay đổi chính sách kế toán***Thay đổi chính sách kế toán***

Trong năm, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Điều chỉnh hồi tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến 31 tháng 3 năm 2015 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u>	<u>Số điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	705	179	526

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.879.153.895	36.281.614.055	3.224.628.961	83.385.396.911
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	43.282.175.153	36.078.128.945	1.221.403.031	80.581.707.129
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	596.978.742	203.485.110	2.003.225.930	2.803.689.782
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.129.429.090	-	-	6.129.429.090
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.254.813.502	223.380.943	367.166.576	2.845.361.021
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.337.911.562	28.243.142.575	11.476.662.926	115.057.717.063
- Tài sản không phân bổ				6.504.474.907
Tổng tài sản	75.337.911.562	28.243.142.575	11.476.662.926	121.562.191.970
- Nợ phải trả bộ phận	60.419.519.405	25.488.342.350	4.350.486.480	90.258.348.235
- Nợ phải trả không phân bổ				1.570.753
Tổng nợ phải trả	60.419.519.405	25.488.342.350	4.350.486.480	90.259.918.988

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	46.989.367.187	23.582.325.883	3.433.013.799	2.134.733.697	76.139.440.566
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	42.447.099.792	28.466.774.151	3.595.088.098	924.031.040	75.432.993.081
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.542.267.395	(4.884.448.268)	(162.074.299)	1.210.702.657	706.447.485
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	5.688.854.691	384.911.883	10.645.368	55.363.584	6.139.775.526
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.975.477.913	301.034.369	63.734.704	330.457.032	2.670.704.018
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.736.045.456	9.854.754.168	1.282.405.741	8.272.186.389	95.145.391.754
- Tài sản không phân bổ					10.551.271.776
Tổng tài sản	72.689.670.333	9.461.071.669	1.781.725.502	10.096.949.678	105.696.663.530
- Nợ phải trả bộ phận	46.315.319.647	23.244.044.913	3.383.768.307	2.104.111.621	75.047.244.488
- Nợ phải trả không phân bổ					18.020.753
Tổng nợ phải trả	46.315.319.647	23.244.044.913	3.383.768.307	2.104.111.621	75.065.265.241

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.304.474.907	-	7.682.501.337	-	5.304.474.907	7.682.501.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.617.340.209	-	17.778.793.444	-	28.617.340.209	17.778.793.444
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	35.121.815.116	-	26.661.294.781	-	35.121.815.116	26.661.294.781

Giá trị sổ sách**Giá trị hợp lý**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.084.369.883	911.728.525	3.084.369.883	911.728.525
Vay và nợ	86.562.971.621	51.077.166.965	86.562.971.621	51.077.166.965
Chi phí phải trả	500.400.000	181.414.382	500.400.000	181.414.382
Các khoản phải trả khác	525.517.179	2.443.446.070	525.517.179	2.443.446.070
Cộng	90.673.258.683	54.613.755.942	90.673.258.683	54.613.755.942

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	2.574.881.496	509.488.387	-	3.084.369.883
Vay và nợ	62.245.857.983	24.317.113.638	-	86.562.971.621
Chi phí phải trả	500.400.000	-	-	500.400.000
Các khoản phải trả khác	525.517.179	-	-	525.517.179
Cộng	65.846.656.658	24.826.602.025	-	90.673.258.683
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	402.240.138	509.488.387	-	911.728.525
Vay và nợ	47.024.054.772	4.053.112.193	-	51.077.166.965
Chi phí phải trả	181.414.382	-	-	181.414.382
Các khoản phải trả khác	2.425.663.928	17.782.142	-	2.443.446.070
Cộng	50.033.373.220	4.580.382.722	-	54.613.755.942

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Trên Bảng cân đối kế toán:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/4/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC kết thúc tại ngày 31/3/2015		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC kết thúc tại ngày 31/3/2016	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	848.319.890	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Trả trước cho người bán dài hạn	291.880.000	Phải thu dài hạn khác	218	Trả trước cho người bán dài hạn	212
3	Quỹ dự phòng tài chính	1.475.755.461	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

Trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” không bao gồm các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp không được hưởng phải nộp ngân sách nhà nước. Vì vậy, các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt của Công ty được trình bày giảm vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Số liệu điều chỉnh lại như sau:

STT	Nội dung	Mã số	Số liệu theo BCTC kết thúc tại ngày 31/3/2015	Số liệu trên BCTC kết thúc tại ngày 31/3/2016	Chênh lệch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	88.319.689.818	77.812.575.975	(10.507.113.843)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12.180.249.252	1.673.135.409	(10.507.113.843)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

* Toàn bộ Báo cáo tài chính năm tài chính 2015 của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã kiểm toán được đăng đầy đủ trên website: <http://www.vangthanglong.com.vn>.

* Cơ cấu cổ đông trình bày trong báo cáo là danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 13/5/2016 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty không có danh sách cổ đông tại thời điểm 31/3/2016.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Xuân Hà